

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

(1) Đôi khi con người tự làm khó bản thân khi trói mình vào những u sầu, phiền não. Người hạnh phúc là người biết cởi bỏ đám dây leo chằng chịt đó để tâm hồn được thanh thản. Thay vì giam mình trong những lo toan không đáng có, ta hãy vui vẻ tận hưởng từng ngày, hãy sống hết mình như thể chưa bao giờ có những muộn phiền và rằng cuộc sống luôn ẩn chứa những thú vị bất ngờ.

(2) Hãy tin rằng mỗi ngày mới là sự hứa hẹn về những điều mới mẻ chưa từng xảy ra trước đó. Hãy tự làm mới cuộc sống của mình mỗi ngày. Chúng ta không biết trước ta từ đâu tới hay tại sao chúng ta lại ở đây, nhưng luôn có một điều chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn là chúng ta đang sống, và vì vậy, đừng lãng phí dù chỉ là một ngày.

(3) Cuộc sống thực sự của ta đang diễn ra chính hôm nay. Nó không cần ta phải chờ đợi, sắp đặt hay lên kế hoạch. Điều quan trọng là ta cần phải nhập cuộc và sống hết mình với nó. Nếu cánh cửa mà ta mong chờ vẫn im lìm đóng, hãy tự nhủ điều đó chắc chắn có lý do, và tại sao ta không tận hưởng niềm thích thú khi thử bước vào một cánh cửa khác đang mở sẵn đón mình?

(4) Cuộc sống của ta là ở đây và ngay bây giờ, không phải “nếu” hay “giả như”. Và vì vậy, hãy vui vẻ tận hưởng những gì trong hiện tại.

(5) Bạn đang sống, và vì thế hãy thỏa sức bay nhảy trên đôi chân của mình. Hãy đi khắp nơi để mở rộng tầm hiểu biết. Hãy khiến cuộc sống quanh mình sinh động hơn, bởi sống hoàn toàn đối nghịch với chết. Nếu chỉ sống lặng lẽ cho qua ngày thì đó mới chỉ là “tồn tại”. Mỗi người chúng ta cần năng động hoặc ít nhất hãy để trí não của mình sáng tạo, phong phú và tươi mới.

(Trích *Quên hôm qua để sống cho ngày mai*, Tian Dayton,

NXB Tổng hợp thành phố HCM, 2014)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định vấn đề nghị luận của văn bản trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, chúng ta cần làm gì để trở thành người hạnh phúc?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong đoạn văn sau: *Đôi khi con người tự làm khó bản thân khi trói mình vào những u sầu, phiền não. Người hạnh phúc là người biết cởi bỏ đám dây leo chằng chịt đó để tâm hồn được thanh thản.*

Câu 4. Phân tích tác dụng của yếu tố biểu cảm được sử dụng trong đoạn (2).

Câu 5. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Nếu chỉ sống lặng lẽ cho qua ngày thì đó mới chỉ là “tồn tại”* không ? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị ý nghĩa của lối sống hết mình đối với tuổi trẻ hiện nay.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ sau:

Không có gì tự đến đâu con

*Không có gì tự đến đâu con.
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa.
Mùa bội thu trải một nắng hai sương.
Không có gì tự đến đâu bình thường,
Phải bằng cả bàn tay và nghị lực
Như con chim suốt ngày chọn hạt
Năm tháng bao dung, khắc nghiệt lạ kì.
Dầu bây giờ cha mẹ đôi khi,
Có nặng nhẹ yêu thương và giận dỗi
Có roi vọt khi con hư và có lỗi
Thương yêu con, đâu đồng nghĩa với nuông chiều!
Đường con đi dài rộng biết bao nhiêu...
Năm tháng nụ xanh giữ cây vườn thẳng,
Trời cao đó nhưng chẳng bao giờ lặng,
Chỉ có con mới nâng nổi chính mình.
Chẳng có gì tự đến... Hãy định ninh.*

(Trích *Lời ru vàng trắng*, Nguyễn Đăng Tấn, NXB Lao động, 2020, tr.42)

Chú thích: Nguyễn Đăng Tấn là tác giả có sở trường viết thơ. Thơ ông là những dòng cảm xúc chân thành về những gì diễn ra trong cuộc sống thường ngày. Bài thơ *Không có gì tự đến đâu con* được nhà thơ viết tặng con trai Nguyễn Đăng Tiến vào khoảng năm 1995, được in trong tập *Lời ru vàng trắng*, xuất bản năm 2000.

-----**HẾT**-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HDC ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 1
MÔN NGỮ VĂN LỚP 12
NĂM HỌC: 2025 -2026

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Vấn đề nghị luận: Bàn về vấn đề sống hết mình trong hiện tại. Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh trả lời đúng hoặc tương đương đáp án được 0,5 điểm.</i>	0,5
	2	- Theo đoạn trích, để trở thành người hạnh phúc cần phải: + <i>Cởi bỏ những u sầu phiền não để tâm hồn được thanh thản.</i> + <i>Thay vì giam mình trong những lo toan không đáng có, ta hãy vui vẻ tận hưởng từng ngày, hãy sống hết mình như thể chưa bao giờ có những muộn phiền.</i> Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh trả lời đúng đáp án được 0,5 điểm.</i> <i>Học sinh trả lời được 01 ý được 0,25 điểm.</i>	0,5
	3	- Biện pháp tu từ ẩn dụ: <i>đám mây leo chằng chịt</i> - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự tiêu cực của những u sầu, phiền não, vì vậy, cần loại bỏ chúng để cuộc sống vui vẻ hơn mỗi ngày. + Khiến câu văn trở nên giàu hình ảnh, sinh động, gợi cảm xúc cho người đọc, tăng sức thuyết phục cho văn bản. Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh trả lời đúng hoặc tương đương đáp án được 1,0 điểm.</i> <i>Học sinh trả lời được 01 ý được 0,5 điểm.</i>	1,0
	4	- Yếu tố biểu cảm được sử dụng trong đoạn (2): + Sử dụng tình thái từ: <i>chưa từng, chắc chắn, ...</i> + Câu khẳng định: <i>Hãy tin rằng mỗi ngày mới là sự hứa hẹn về những điều mới mẻ chưa từng xảy ra trước đó. Hãy tự làm mới cuộc sống của mình mỗi ngày.</i> - Tác dụng: Giúp đoạn văn giàu cảm xúc, tăng tính thuyết phục, thể hiện thái độ khẳng định của tác giả về những điều tốt đẹp trong tương lai; đồng thời, tác động mạnh mẽ đến tình cảm, cảm xúc của người đọc. Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh trả lời đúng hoặc tương đương đáp án được 1,0 điểm.</i> <i>Học sinh trả lời được 01 ý được 0,5 điểm.</i>	1,0

	5	- HS lý giải và trình bày được suy nghĩ của bản thân, có thể trả lời theo hướng: + Tồn tại và sống là hai khái niệm khác nhau, chỉ khi được sống, con người mới thực sự có giá trị trong cuộc đời. + Cần phải loại bỏ những cảm xúc tiêu cực, nỗ lực làm mới cuộc sống, trân trọng những gì trong thực tại để có được hạnh phúc thực sự. + Hướng dẫn chấm: Học sinh trả lời đúng đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương được 1,0 điểm.	1,0
II		VIẾT	4,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của lối sống hết mình với tuổi trẻ.	2,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Ý nghĩa của lối sống hết mình đối với tuổi trẻ	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> * Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận; trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý; lập luận chặt chẽ, thuyết phục (lí lẽ xác đáng; kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng từ thực tế đời sống để làm sáng tỏ cho lập luận). * Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Có thể theo hướng sau: - Lối sống hết mình có vai trò quan trọng đối với tuổi trẻ: + Sống hết mình giúp ta mạnh mẽ đương đầu, có thêm niềm tin, sức mạnh để vượt qua khó khăn, vươn lên và hướng tới những gì tươi sáng nhất. + Sống hết mình giúp khơi dậy những khả năng tiềm ẩn trong chúng ta, phát huy nội lực giúp bản thân trở thành một con người ưu tú. + Lan tỏa nguồn năng lượng tích cực tới mọi người xung quanh, góp phần tạo nên một xã hội năng động, phát triển. - Mở rộng vấn đề, liên hệ với bản thân ... Hướng dẫn chấm:	1,0

	- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng (0,75 - 1,0 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có bằng chứng hoặc bằng chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có bằng chứng hoặc bằng chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Không có gì tự đến đâu con	4,0
	<i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Không có gì tự đến đâu con của tác giả Nguyễn Đăng Tấn.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận: - Đặc sắc về nội dung: + Bài thơ là lời tâm sự gần gũi nhưng chân thành, giàu cảm xúc của người cha dành cho con. Thông qua những kinh nghiệm sống của bản thân, người cha đã truyền lại những bài học thấm thía, từ đó, gửi gắm tình yêu thương vô bờ, niềm tin vào sức mạnh của chính bản thân con. + Trước hết là lời tâm sự của người cha với con về quy luật cuộc sống: Con người muốn có được thành công cần phải vượt qua khó khăn, thử thách, khắc nghiệt như quả trên cây muốn ngọt phải trải qua tháng ngày tích nhựa, hoa chỉ thơm khi trải qua nắng lửa,...	2,5

	+ Lời tâm sự của người cha về cách dạy con, tình yêu thương của cha mẹ với con cái. <i>Thương yêu con, đâu đồng nghĩa với nuông chiều</i> mà phải biết uốn nắn, có “roi vọt” khi con hư và có lỗi. Hiểu được điều đó, người con sẽ có cái nhìn đúng đắn, biết ơn cha mẹ nhiều hơn. + Lời nhắn nhủ của người cha đối với con về cách ứng xử trong cuộc sống: Cuộc sống vốn <i>dài rộng</i> không bằng phẳng, luôn ẩn chứa những biến cố, thăng trầm, chỉ cần con kiên cường, độc lập, tự chủ, nỗ lực, quyết tâm thì mới gặt hái được thành công. - Đặc sắc về nghệ thuật: + Bài thơ được viết theo thể thơ tự do, cấu tứ độc đáo thông qua lời tâm sự của cha với con, rất tự nhiên mà sâu sắc. + Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, hình ảnh thơ gần gũi như lời trò chuyện hằng ngày của cha và con đã khiến những bài học chiêm nghiệm cả đời cha trở nên gần gũi, thấm thía. + Các biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa,... cũng góp phần làm rõ thông điệp, bài học sâu sắc mà người cha dành cho con. Từ đó, ngời sáng lên tấm lòng của người cha, tầm quan trọng của gia đình trong việc hình thành nhân cách của con cái. * Kết bài: Khẳng định giá trị và sức sống của bài thơ. Hướng dẫn chấm: - HS phân tích, lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 2,5 điểm. - HS phân tích, lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng dẫn chứng không tiêu biểu: 1,75- 2,25 điểm. - HS phân tích, lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng sơ sài: 1,0 - 1,5 điểm. - HS phân tích, lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ chung chung nhưng không có dẫn chứng: 0,75- 1,0 điểm. - HS phân tích, lập luận chung chung, lí lẽ sơ sài, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp: 0,25 – 0,5 điểm. - HS trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm. Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25

	Hướng dẫn chấm: <i>Không cho điểm nếu bài mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</i>	
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: <i>HS viết văn giàu hình ảnh, cảm xúc, có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề, có dẫn chứng tiêu biểu, xác đáng; sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, giàu sức thuyết phục. Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm – Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i>	0,5
Tổng điểm		10,0